

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 544/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 7 - 2024

V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thúc

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1214/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 550/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 549/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1991; HKTT: Ô 4 Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; Ngụ tại: RS7 B chung cư R, số B đường H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Huyền T1, sinh năm 1991; HKTT: Số B đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Ngụ tại: R chung cư R, số B đường H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông và bà Lê Thị Huyền T1 kết hôn năm 2016 và đã ly hôn năm 2022 theo Bản án số 415/2022/HNGĐ-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông và bà T1 có một con chung là Nguyễn

Ngọc Phương V, sinh ngày 25/4/2018. Khi ly hôn, theo nội dung bản án này bà T1 là người trực tiếp nuôi con, ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Từ lúc ly hôn đến nay, ông đã cấp dưỡng cho con được 60.000.000 đồng từ tháng 6/2022 đến tháng 11/2022. Ông ngừng cấp dưỡng cho con từ tháng 12/2022 cho đến nay. Hiện nay do tình hình tài chính của ông gặp khó khăn, thu nhập giảm, chi phí sinh hoạt hàng tháng tăng. Công việc hiện nay của ông là nhân viên Ngân hàng TMCP Á, thu nhập hàng tháng của ông trung bình khoảng 25.000.000 đồng/tháng, chi phí sinh hoạt hàng tháng của ông khoảng 47.128.000 đồng, cụ thể là tiền điện, nước, internet, phí quản lý chung cư là 2.200.000 đồng, tiền điện thoại là 600.000 đồng, chi phí sinh hoạt, ăn uống, xăng xe là 10.000.000 đồng, tiền thuê nhà là 11.000.000 đồng, thanh toán thẻ C là 1.590.000 đồng, thẻ T2 là 817.301 đồng, thẻ T3 là 3.136.478 đồng, thẻ V1 là 3.648.333 đồng, thẻ SCB là 4.574.000 đồng, thẻ V2 là 3.000.000 đồng, thẻ H là 5.113.063 đồng, thẻ N là 1.450.000 đồng. Các khoản thanh toán thẻ này là dùng để chi tiêu cho các khoản chi tiêu cá nhân hàng tháng. Do đó, ông không có khả năng cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 10.000.000 đồng/tháng như trong quyết định của bản án. Nay ông yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Từ sau khi ly hôn với bà T1 đến nay, ông chưa kết hôn lại với ai, hiện nay ông chỉ cấp dưỡng cho trẻ Phương V, không cấp dưỡng cho ai khác. Bé Phương V không có bệnh bẩm sinh hay bệnh mãn tính gì từ lúc sinh ra đến nay. Ngoài ra, trẻ Phương V cũng có bảo hiểm y tế. Chi phí trung bình hàng tháng của bé Phương V khoảng 6.000.000 đồng bao gồm học phí, ăn uống và các chi phí khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa bị đơn là bà Lê Thị Huyền T1 trình bày:

Bà xác nhận việc kết hôn và ly hôn đúng như ông T trình bày. Bà và ông T có một con chung là Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 25/4/2018. Theo quyết định của Bản án số 415/2022/HNGĐ-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà là người trực tiếp nuôi con, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Ông T đã cấp dưỡng cho con được 05 tháng từ tháng 06/2022 đến tháng 10/2022. Từ tháng 11/2022 đến nay ông T không cấp dưỡng nuôi con. Ông T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của bản án ly hôn. Từ tháng 9/2022 đến nay, ông T không có trách nhiệm thăm nom, chăm sóc con chung, kể cả lúc con bệnh. Bà vẫn ở địa chỉ cũ cũng như bà đã tạo điều kiện cho ông T thăm con nhưng ông T không qua thăm con.

Nay ông T yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con giảm xuống còn 2.000.000 đồng/tháng, bà không đồng ý. Vì chi phí nuôi con hàng tháng hiện hay trung bình là khoảng 33.000.000 đồng/tháng, cụ thể:

- Học phí là 10.108.000 đồng, gồm học phí mầm non là 3.500.000 đồng, học Anh văn là 2.000.000 đồng, học vẽ là 1.533.000 đồng, đi chơi dã ngoại ở trường là 5.000.000 đồng, học đàn là 1.000.000 đồng.

- Sinh hoạt phí là 14.400.000 đồng, gồm đón bé và giữ buổi chiều là 4.000.000 đồng, tiền sữa bột, sữa nước, sữa chua là 2.200.000 đồng, tiền trái cây là 1.200.000 đồng, tiền quần áo và các vật dụng khác là 2.000.000 đồng, tiền thức ăn là 5.000.000 đồng;

- Chi phí khám chữa bệnh là 8.500.000 đồng, gồm chi phí đi taxi là 1.700.000 đồng, chi phí khám viêm da cơ địa là 1.000.000 đồng và tiền thuốc là 1.500.000 đồng, chi phí khám viêm amidan mãn tính là 300.000 đồng và thuốc là 500.000 đồng, chi phí khám chân dị tật là 1.500.000 đồng và tiền thuốc là 2.000.000 đồng. Do thẻ bảo hiểm y tế của bé Phương V tại bệnh viện H1, Đ, Long An nên quá trình khám chữa bệnh của bé bà không sử dụng thẻ bảo hiểm y tế mà khám bệnh viện tư.

Công việc của ông T hiện này là Giám đốc quan hệ khách hàng cao cấp tại Ngân hàng TMCP Á, thu nhập hàng tháng của ông T khoảng 35.000.000 đồng/tháng nên đủ khả năng cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 10.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án giữ nguyên mức cấp dưỡng cũ là 10.000.000 đồng/tháng.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức cho các bên đương sự hòa giải để giải quyết tranh chấp. Nhưng do các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải nên Tòa án đưa ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Ông T trình bày thu nhập trung bình của ông khoảng từ 25.000.000 đồng/tháng đến 35.000.000 đồng/tháng. Chi phí sinh hoạt 01 tháng của ông khoảng 45.000.000 đồng. Vì vậy, ông chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Ông xác nhận ông cấp dưỡng được cho bé Phương V đến tháng 11/2022, sau đấy thì ngưng không cấp dưỡng nữa.

- Bị đơn: Bà T1 trình bày thu nhập trung bình của bà khoảng từ 15.000.000 đồng/tháng đến 18.000.000 đồng/tháng. Chi phí nuôi con 01 tháng khoảng 15.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu mức cấp dưỡng là 8.000.000 đồng/tháng. Bà xác nhận ông T cấp dưỡng được cho bé Phương V đến tháng 11/2022, sau đấy thì ngưng không cấp dưỡng nữa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Theo chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, mức lương của ông tài tháng 3/2023 là 25.000.000 đồng/tháng và thu nhập có thể lên đến 35.000.000 đồng/tháng (theo lời trình bày của ông T tại phiên tòa). Ông T có giải trình mức chi tiêu bình quân hàng tháng là 45.000.000 đồng, trong đó trả tiền lãi của nhiều khoản vay tại các ngân hàng khác nhau. Tuy nhiên, hồ sơ

không thể hiện khoản vay của ông T vào nhóm nợ xấu. Vậy, ông T còn nhiều khoản thu nhập khác mà không nộp chứng cứ cho Tòa án, chứng tỏ ông T không khó khăn như trình bày.

Bên cạnh đó, ông T xác nhận hiện tại ông chưa kết hôn với ai và chỉ cấp dưỡng cho bé Phương V, không cấp dưỡng cho ai khác. Do đó, để ổn định cuộc sống cho bé Phương V nên căn cứ Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, bác yêu cầu của ông T về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và chấp nhận mức yêu cầu cấp dưỡng của bà T1 là 8.000.000 đồng/tháng.

Về thời gian áp dụng mức cấp dưỡng: Tại công văn số 1922/CCTHA ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xác định ông T đã nộp tiền cấp dưỡng nuôi con đến tháng 11/2022. Do đó, ông T có nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng từ tháng 12/2022 đến tháng 7/2024, tổng cộng là 20 tháng x 8.000.000 đồng/tháng = 160.000.000 đồng và ông T tiếp tục thực hiện việc cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 8.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 8/2024 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên căn cứ Điều 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T. Ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ nộp số tiền 160.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thực hiện việc cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 8.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 8/2024 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Tấn T khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, đây là tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con được quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là bà Lê Thị Huyền T1 có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1] Ông Nguyễn Tấn T yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 10.000.000 đồng/tháng xuống 2.000.000 đồng/tháng:

Tại Bản án số 415/2022/HNGĐ-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T1 được trực tiếp nuôi con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 25/4/2018. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2022 đến khi con chung trưởng thành.

Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do đó, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*”.

Xét, ông T yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, bà T1 yêu cầu cấp dưỡng là 8.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T và bà T1 không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, để xác định mức cấp dưỡng nuôi con cần căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhu cầu thiết yếu (hợp lý) của người được cấp dưỡng.

Căn cứ Hợp đồng lao động số 108344/HĐLD.2022 ngày 29/10/2022 của ông Nguyễn Tấn T thì có cơ sở xác định ông T là nhân viên nghiệp vụ của Ngân hàng TMCP Á với thời hạn lao động là 18 tháng, bắt đầu từ ngày 29/10/2022 đến ngày 28/4/2024, mức lương cơ bản là 10.184.000 đồng. Tuy nhiên, theo sao kê ngân hàng, giấy xác nhận thu nhập cũng như lời khai của ông T có cơ sở xác định mức lương trung bình của ông T khoảng 25.000.000 đồng/tháng đến 35.000.000 đồng/tháng.

Ông T giải trình mức chi phí sinh hoạt hàng tháng của ông khoảng 45.000.000 đồng, trong đó phải thanh toán tài khoản thẻ của nhiều ngân hàng khác nhau. Các khoản thanh toán thẻ này là dùng để chi tiêu cho các khoản chi tiêu cá nhân hàng tháng. Từ sau khi ly hôn với bà T1 đến nay, ông chưa kết hôn lại với ai, hiện nay ông chỉ cấp dưỡng cho trẻ Phương V, không cấp dưỡng cho ai khác. Hội đồng xét xử xét thấy ông T có thể chi cho phí sinh hoạt hàng tháng của bản thân hơn 45.000.000 đồng trong khi chỉ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng là quá thấp so với khả năng thực tế của ông cũng như không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của con. Hơn nữa, chi phí sinh hoạt cá nhân của ông T như thuê nhà, đi lại và ăn uống... đều có thể tự điều chỉnh, gia giảm để cân bằng sao cho phù hợp với quỹ tiền lương hiện có.

Xét, lời khai của bà T1 thì chi phí nuôi con hàng tháng hiện hay trung bình là khoảng 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, có những khoản chi phí bà T1 đưa ra là không phù hợp như đi chơi dã ngoại ở trường là 5.000.000 đồng/tháng, đón bé và giữ buổi chiều là 4.000.000 đồng/tháng, chi phí đi taxi khám, chữa bệnh là 1.700.000 đồng/tháng... Mặc dù các khoản chi phí bà T1 nêu ra đều là phí tổn nuôi con nhưng mức cấp dưỡng Hội đồng xét xử chỉ xem xét dựa trên các nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xem xét tính hợp lý về nhu cầu thiết yếu của trẻ Phương V để quyết định cho phù hợp với điều kiện sống tại địa phương nơi trẻ Phương V đang sinh sống, vừa đảm bảo cho trẻ đủ điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần vừa đảm bảo tính hợp lý cho người cấp dưỡng.

Ngoài ra trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ, chi phí cấp dưỡng nuôi con là mang tính hỗ trợ cùng nhau nuôi con chứ không phải toàn bộ chi phí nuôi con chung.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng là vẫn đảm bảo được điều kiện sống, sinh hoạt cơ bản hàng ngày cho ông T, đồng thời đảm bảo được nhu cầu thiết yếu của con và phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về thời gian và phương thức cấp dưỡng:

Tại Công văn số 1922/CCTHA ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông T có nộp số tiền 30.000.000 đồng để cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9, 10, 11/2022. Qua đó có cơ sở xác định đến tháng 12/2022 thì ông T ngưng không cấp dưỡng nuôi con. Kết quả xác minh này cũng phù hợp với lời khai của các bên đương sự. Qua đó có cơ sở xác định đến tháng 12/2022 thì ông T ngưng không cấp dưỡng nuôi con. Theo đó, Hội đồng xét xử buộc ông T phải tiếp tục có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ tháng 12/2022. Phương thức cấp dưỡng như sau:

- Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 7/2024 (20 tháng) buộc ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi cho trẻ Phương V. Cụ thể: 8.000.000 đồng x 20 tháng = 160.000.000 đồng.

- Từ tháng 8/2024 cho đến khi trẻ Phương V trưởng thành và có khả năng lao động hoặc được chấm dứt theo các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 8.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 hàng tháng.

Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông T chịu án phí theo qui định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 58, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T:

Buộc ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 25/4/2018 với mức cấp dưỡng là 8.000.000 đồng/tháng.

Phương thức cấp dưỡng như sau:

- Từ tháng 12/2022 đến tháng 7/2024, ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với tổng số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Từ tháng 8/2024 cho đến khi trẻ Phương V trưởng thành và có khả năng lao động hoặc được chấm dứt theo các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 hàng tháng.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Tấn T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0000235 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương